TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/KDTM-PT
Ngày 05/3/2020
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý Đạo Phú Quý - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/02/2020 và ngày 05/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2020/TLPT- KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 27/08/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2020/QĐ-PT ngày 11/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Q.T; địa chỉ: Thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông T.L.L, sinh năm 1981; địa chỉ: Quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Ông T.L.L có mặt.

2. Ông L.V.T, sinh năm 1965; địa chỉ: Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L.V.T có mặt (vắng mặt khi tuyên án).

Cùng văn bản ủy quyền ngày 20/11/2018.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông B.N.H – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Ông B.N.H có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty P.R; trụ sở: thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Công ty L.T, địa chỉ: Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2019; người đại diện hợp pháp của Công ty L.T: Ông P.V.C.D hoặc bà T.T.T.H, cùng địa chỉ: Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2019). Bà T.T.T.H có mặt, ông P.V.C.D có mặt (vắng mặt khi tuyên án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông L.H.C, Công ty L.T; địa chỉ: Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L.H.C có mặt (vắng mặt khi tuyên án).

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty P.R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do người đại diện hợp pháp là ông T.L.L và ông L.V.T trình bày:

Ngày 03/01/2017, Công ty Q.T (gọi tắt Công ty Q.T) có ký kết hợp đồng kinh tế số CÔNG TY P.R015 với Công ty P.R (gọi tắt Công ty P.R). Theo nội dung hợp đồng, Công ty Q.T sản xuất và cung cấp các sản phẩm sơn nước và phụ gia cho Công ty P.R. Số lượng hàng hóa thể hiện trên từng đơn hàng cụ thể, Công ty Q.T cam kết cung cấp sản phẩm đúng chất lượng theo hàng mẫu đã được Công ty P.R duyệt và đúng với chất lượng theo tiêu chuẩn mà Công ty Q.T đã giới thiệu. Thời hạn thanh toán từ ngày 10 đến 20 của tháng tiếp theo, sau khi đã đối chiếu công nợ và xuất hóa đơn tài chính, chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hai bên chốt công nợ. Trường hợp chậm thanh toán thì phải thanh toán thêm tiền lãi căn cứ vào lãi suất cho vay của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền chưa thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P.R đã thanh toán đầy đủ các hóa đơn đến hết tháng 6/2017. Từ tháng 7/2017, còn 08 hóa đơn tổng cộng 567.898.100 đồng, phía Công ty P.R vẫn chưa thanh toán. Kể từ sau tháng 7/2017, Công ty P.R không còn đặt hàng của Công ty Q.T. Ngày 08/8/2017, Công ty P.R gửi bản đối chiếu công nợ số 100134 xác nhận số tiền còn nợ Công ty Q.T là 567.898.100 đồng đến hết ngày 31/7/2017. Ngày 03/8/2018, giữa hai công ty có cuộc họp tại văn phòng của Công ty Q.T. Tại cuộc họp, Công ty P.R vẫn xác nhận số nợ phải thanh toán cho Công ty Q.T là 567.898.100 đồng. Nhưng Công ty P.R nêu quan điểm sẽ giải quyết khoản nợ trên cùng với yêu cầu bồi thường thiệt hại do Công ty Q.T giao hàng không đạt chất lượng. Phía Công ty Q.T đồng ý cho thêm 01 tháng tính từ ngày 11/8/2018 để Công ty P.R thu thập đầy đủ chứng cứ, tài liệu chứng minh thiệt hại. Nhưng đến nay, phía Công ty P.R vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại của Công ty Q.T. Nay Công ty Q.T khởi kiện yêu cầu Công ty P.R thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 567.898.100 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 10/8/2017 đến ngày 27/8/2019 (mức lãi suất

8%/năm x 23 tháng 27 ngày) với số tiền 93.878.288 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty Q.T yêu cầu Công ty P.R thanh toán là 661.776.388 đồng.

- Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 15/02/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Đối với yêu khởi kiện của Công ty Q.T buộc Công ty P.R thanh toán số tiền hàng còn nợ là 567.898.100 đồng, Công ty P.R đồng ý. Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán, Công ty P.R chỉ thừa nhận bản xác nhận số dư nợ cho mục đích kế toán do có chữ ký và đóng dấu của bà P.T.B.L trưởng phòng kế toán của Công ty P.R, không thừa nhận các Bản đối chiếu công nợ trước đó do Công ty Q.T cung cấp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố, Công ty P.R cho rằng kể từ khi hai bên ký hợp đồng kinh tế ngày 03/01/2017, phía Công ty Q.T giao hàng cho Công ty P.R hàng hóa không đảm bảo chất lượng. Cụ thể đối với hai mẫu hàng: Sơn lót mã A813/WB khi đưa vào sử dụng quá bám chặt bề mặt làm cho thời gian chà nhám bị kéo dài phải phát sinh thêm chi phí nhân công và doanh thu bị giảm, do năng suất không đạt dẫn đến thiệt hại số tiền 836.972.229 đồng. Mẫu sơn bóng 5% SB604/WB kém chất lượng, sơn lên sản phẩm bị ngã màu, phải tổ chức tăng ca để sửa hàng và không thể xuất hàng theo kế hoạch, thiệt hại 1.608.706.404 đồng. Tất cả các mẫu hàng phía Công ty Q.T giao đều kém chất lượng, gây thiệt hại 136.000 USD (tương đương 3.149.080.000 đồng) do phải bồi thường cho Công ty P.RI theo biên bản xác nhận công nợ ngày 08/01/2018.

Từ những thiệt hại đã nêu, phía Công ty P.R đã phản tố yêu cầu Công ty Q.T phải bồi thường cho Công ty P.R số tiền 5.594.758.633 đồng. Tại đơn xin rút một phần yều phản tố ngày 12/7/2019, bị đơn rút một phần số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại từ 5.594.758.633 đồng còn 5.203.810.072 đồng do sau khi tính toán các khoản bị thiệt hại thì số tiền yêu cầu bồi thường đã giảm. Đề nghị cấn trừ số tiền Công ty P.R còn nợ vào số tiền Công ty Q.T phải bồi thường do đã gây thiệt hại.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 27/08/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Công ty P.R đối với yêu cầu Công ty Cổ phần Sinh Hóa Quốc bồi thường số tiền 390.948.561 đồng.

3. Buộc Công ty P.R phải thanh toán cho Công ty Q.T số tiền 661.776.388 đồng gồm 567.898.100 đồng tiền nợ gốc chưa thanh toán và 93.878.288 đồng tiền lãi chậm thanh toán.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi Công ty P.R trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa số CÔNG TY P.R 015 ngày 03/01/2017.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Q.T không phải chịu. Công ty P.R chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 30.471.056 đồng và phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận 113.810.203 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định cho các đương sự.

Ngày 13/9/2019 Công ty P.R nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Kháng cáo có quá hạn, nhưng tại Quyết định số 04/2019/QĐ-PT ngày 28/11/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương chấp nhận kháng cáo quá hạn của Công ty P.R.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện Công ty P.R rút một phần yêu cầu kháng cáo, không kháng cáo về phần nghĩa vụ thanh toán tiền hàng còn nợ và khoản tiền lãi của tiền hàng còn nợ cho Công ty Q.T; Công ty P.R chỉ kháng cáo về yêu cầu phản tố không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Riêng luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cần chấp hành đúng quy định của Liên đoàn Luật sư về trang phục của luật sư khi tham gia phiên tòa. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết có căn cứ và đúng pháp luật, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ cho bị đơn nộp tạm ứng 300.000 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật, cần điều chỉnh buộc bị đơn nộp bổ sung đủ mức án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh tụng của đương sự, luật sư và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo về quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 567.898.100 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 93.878.288 đồng. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo đã rút này. Trong trường hợp này, quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ 567.898.100 đồng và tiền

lãi chậm thanh toán 93.878.288 đồng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

[2.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục yêu cầu hai bên cung cấp mẫu hàng tồn kho để làm cơ sở giám định chất lượng hàng hóa. Tuy nhiên, mẫu hàng tương tự các mẫu hàng mà Công ty Q.T đã giao thì cả Công ty Q.T và Công ty P.R đều không thể cung cấp được. Công ty Q.T cho rằng các loại hàng sơn bán cho Công ty P.R là hàng đặc thù, được pha chế theo yêu cầu đặt hàng của Công ty P.R, theo công thức riêng và hiện nay không còn hàng tồn kho, vì đã giao hết cho Công ty P.R; hàng sơn hiện nay mà Công ty Q.T sản xuất phục vụ cho khách hàng khác, theo tiêu chuẩn khác không tương đồng với mẫu hàng đã giao cho Công ty P.R. Công ty P.R cũng xác nhận không còn hàng sơn và phụ gia mua của Công ty Q.T tồn kho và đã đưa vào sản xuất. Thay vào đó, Công ty P.R đề nghị Tòa án sử dụng mẫu hàng thành phẩm (đồ gỗ gia dụng) là hàng lỗi bị khách hàng trả về để làm mẫu giám định chất lượng hàng hóa, nhưng Công ty Q.T không thống nhất vì cho rằng nếu lấy mẫu hàng đã thành phẩm để giám định là không khách quan.

[2.2]. Xét thấy, việc giám định chỉ có thể thực hiện trên chính sản phẩm sơn mà Công ty Q.T đã bán cho Công ty P.R. Việc lấy hàng thành phẩm để giám định là không thể thực hiện hiện được vì đối tượng giám định lúc này không phải là sơn mà là sản phẩm đồ gia dụng. Hơn nữa, cũng không thể xác định chắc chắn hàng thành phẩm là hàng được sơn bằng loại sơn mà Công ty Q.T đã bán; Việc sơn lên sản phẩm còn phụ thuộc vào kỹ thuật sơn và chất lượng sản phẩm hoàn thiện còn phụ thuộc vào việc đóng gói và bảo quản.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận sử dụng hàng thành phẩm để giám định chất lượng sơn do Công ty Q.T cung cấp là có căn cứ.

[2.3]. Quá trình tố tụng, Công ty P.R cung cấp nhiều văn bản là các đoạn email trao đổi công việc của hai bên công ty, nhưng hai bên chỉ dừng lại việc khiếu nại chất lượng hàng hóa bằng những email trao đổi thông tin, mà không có biên bản làm việc cụ thể về nguyên nhân, mức độ và giá trị hàng hóa kém chất lượng (không đạt chất lượng) và phương án xử lý. Tại email ngày 22/5/2017 bà N.T.H giám đốc Công ty Q.T gửi cho bà T.T.T nhân viên Công ty P.R có nội dung *"...4. CÔNG TY P.R đang tính toán thời gian làm thêm giờ của A 610/WB & A813/WB để gửi qua cho Biochem => Biochem sẽ chia sẻ thiệt hại này với CÔNG TY P.R"*. Tuy nhiên, email không thể hiện rõ nguyên nhân của thiệt hại và chia sẻ thiệt hại cụ thể như thế nào, việc chia sẻ thiệt hại này có phải là bồi thường thiệt hại do hàng giao bị lỗi hay không. Do đó, việc Công ty P.R căn cứ vào nội dung email để buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại là không đủ cơ sở.

[2.4]. Quá trình tố tụng, Công ty P.R cung cấp 01 hợp đồng gia công từ bán thành phẩm số 14PCI/2017 ngày 15/11/2016 giữa Công ty P.R với Công ty P.RI; 01 tín phiếu ngày 20/9/2017 thể hiện bên phát hành tín phiếu là Công ty

P.RI và bên nhận tín phiếu là Công ty F.H có địa chỉ tại số 2090, đường Woodward, Austin, Texas, 78744, Hoa kỳ với số tiền 170.000USD nội dung "*…bồi thường – sản phẩm có màu black Oliver/Rustic Black Oliver được giao vào năm 2017…*"; 01 biên bản cấn trừ công nợ ngày 01/7/2018 giữa Công ty P.R; số lượng hàng hóa mà CÔNG TY P.R giao trực tiếp cho Công ty F.H từ tháng 01/2017 đến tháng 07/2017, chứng từ đối với 23 container xuất đi và bị trả về do hàng bị lỗi mà phía CÔNG TY P.R phải gia công lại. Tuy nhiên, như phân tích nêu trên, không có cơ sở khẳng định hàng sơn và phụ gia do Công ty Q.T cung cấp không đạt chất lượng làm cho hàng thành phẩm không đạt chất lượng nên không có cơ sở xác định Công ty Q.T có lỗi, dẫn đến phải bồi thường thiệt hại cho Công ty P.RI số tiền 136.000 USD tương đương số tiền 3.149.080.000 đồng.

[2.5]. Ngoài ra, Công ty P.R còn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập những người làm chứng là nhân viên của Công ty P.R có lời khai cho rằng Công ty Q.T giao hàng không đảm bảo chất lượng, hàng giao bị lỗi, nhưng lời khai này cũng tương tự như lời trình bày của người đại diện Công ty P.R, không có chứng cứ chứng minh hàng mà Công ty Q.T giao không đạt chất lượng, chưa đủ cơ sở để xem xét lỗi của Công ty Q.T phải bồi thường thiệt hại.

[2.6] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[2.7] Ý kiến tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[2.8]. Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, mức tạm ứng án phí phúc thẩm mà bị đơn đã nộp 300.000 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật nên bị đơn phải nộp bổ sung án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 50, 51 và 306 Luật Thương mại 2005.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của Công ty P.R đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 27/08/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương về nội dung sau:

"- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Q.T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty P.R.

- Buộc Công ty P.R phải thanh toán cho Công ty Q.T số tiền 661.776.388 đồng gồm 567.898.100 đồng tiền nợ gốc chưa thanh toán và 93.878.288 đồng tiền lãi chậm thanh toán.

- Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi Công ty P.R trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa số CÔNG TY P.R 015 ngày 03/01/2017".

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty P.R đối với yêu cầu phản tố. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 27/08/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty P.R về việc yêu cầu Công ty Q.T phải bồi thường 5.203.810.072 đồng.

2.2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Công ty P.R đối với yêu cầu Công ty Q.T bồi thường số tiền 390.948.561 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty Q.T không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty Q.T số tiền 14.352.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0027870 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D.

3.2. Công ty P.R chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 30.471.056 đồng và phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận 113.810.203 đồng. Khấu trừ số tiền 56.797.379 đồng tạm ứng án phí Công ty P.R đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028228 ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, Công ty P.R còn phải nộp 87.483.880 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty P.R phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0039831 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương, còn phải tiếp tục nộp 1.700.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TX. D;
- Chi cục THADS TX D;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa KT, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Công Lực